

Bản án số: **290/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/7/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Đức

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quê Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Hồng Y**, sinh năm 1983

Địa chỉ: S144/3 Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 184/8B Đường Z, Phường X, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và các lời khai tiếp theo cũng như tại biên bản hòa giải về con chung và tài sản chung, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Y trình bày: Bà và ông Trần Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn vì sau khi chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp và cả hai đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Do tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Gia K, sinh ngày 06/7/2011 và Trần Hào P, sinh ngày 01/7/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết. Nếu ông T giành quyền nuôi 02 con chung thì bà cũng đồng ý.

Về tài sản chung; nợ chung: Bà xác định không có.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải về con chung và tài sản chung bị đơn ông Trần Minh T trình bày: Ông và bà Phan Thị Hồng Y tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đúng như lời bà Y trình bày. Quá trình chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, bà Y lấy tiền của ông làm việc riêng nhưng không cho ông biết nên hai bên mâu thuẫn nhau và cả hai đã sống ly thân hơn 01 năm nay do đó tình cảm vợ chồng không còn vì vậy ông cũng đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Gia K, sinh ngày 06/7/2011 và Trần

Hào P, sinh ngày 01/7/2014. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Ông xác nhận không có nên không tranh chấp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Y và ông Trần Minh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử : Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Y. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Hồng Y và ông Trần Minh T. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Gia K và Trần Hào P cho ông Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Y có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Trần Minh T. Ông T hiện đang cư trú tại địa chỉ 184/8B Đường Z, Phường X, Quận C. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Y và ông Trần Minh T có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của hai bên đương sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Bản sao giấy khai sinh của con chung; Biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 4 và Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 4 có đủ cơ sở xác định: Bà Phan Thị Hồng Y và ông Trần Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến năm 2016 tại địa chỉ: S144/3 Đường A, Phường B, Quận C hiện ông T không còn cư ngụ tại địa chỉ trên. Do hai bên có mâu thuẫn vợ chồng trong sinh hoạt gia đình nên ông T về ở tại địa chỉ 184/8B Đường Z, Phường X, Quận C phụ việc gia đình. Quá trình chung sống hai bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Hồng Y và ông Trần Minh T đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa bà Y và ông T là không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay, bà Y khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử không giải quyết cho bà Y và ông T ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông T.

Về con chung: Bà Y và ông T xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung tên là Trần Gia K, sinh ngày 06/7/2011 và Trần Hào P, sinh ngày 01/7/2014. Xét, lời khai của trẻ Trần Gia K có nguyện vọng ở cùng cha là ông Trần Minh T. Mặt khác, bà Y và ông T cùng thỏa thuận: Giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; cấp dưỡng tự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nêu trên giữa các bên đương sự.

Về tài sản chung; nợ chung: Bà Y và ông T xác nhận không có nên không tranh chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Y phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: AG/2014/0009959 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Điều 271 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Hồng Y và ông Trần Minh T.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự giao 02 con chung tên Trần Gia K, sinh ngày 06/7/2011 và Trần Hào Phong, sinh ngày 01/7/2014 cho ông Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

Bà Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng bà Y không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà Y và ông T xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Hồng Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: AG/2014/0009959 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà Y đã nộp xong án phí.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy